

Bản án số: 09/2021/HS-PT
Ngày 16 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lữ Trung Khả là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thành Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Châu Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 206/2020/HS-ST ngày 17 - 12 - 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Châu Văn T, sinh năm 1991, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp Bào K, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị Nguyên; Vợ: Nguyễn Thị N; Con: 02 người con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2020 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Đoàn Thanh H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cơ sở P, đường T, khóm B, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do ông Đoàn Thanh H, sinh năm 1970 làm chủ, chuyên kinh doanh mua bán các mặt hàng thiết bị điện gia dụng, công nghệ thực phẩm, bách hóa tổng hợp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 61A8009617 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Cà Mau cấp ngày 11/3/2013.

Ngày 15/4/2017, Châu Văn T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N, địa chỉ đường K, Phường Đ, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/5/2017, T được Công ty phân công làm giám sát bán hàng tại địa bàn thành phố Cà Mau nên T quen biết ông Đoàn Thanh H do cơ sở của ông H là đại lý bán hàng của Công ty N Việt Nam.

Đến ngày 06/6/2018, T bị Công ty N kỷ luật bằng hình thức sa thải do tự ý nghỉ việc không thông báo. Sau khi T bị sa thải không có việc làm nên T xin vào làm nhân viên cho ông H, giữa T và ông H chỉ thỏa thuận miệng với nhau không ký hợp đồng lao động bằng văn bản. Khi vào làm cho ông H, ông H phân công, giao cho T phụ trách đi thu công nợ của khách hàng và phụ trách bán hàng. Ông H không trả lương cố định hàng tháng cho T mà thu nhập của T được tính trên doanh số bán hàng, cụ thể: Đối với các mặt hàng bánh kẹo N bán mỗi hộp T được hưởng 3.000 đồng và bán các sản phẩm điện gia dụng được hưởng 08% trên doanh số.

Các khách hàng đặt mua hàng của ông H thông qua nhân viên bán hàng của ông H hoặc thông qua T, ông H giao hàng cho khách hàng qua dịch vụ xe tải hoặc do nhân viên tiếp thị giao, khi giao hàng ông H gửi kèm hóa đơn bán hàng để khách hàng ký xác nhận làm căn cứ tính công nợ.

Cách thức thu công nợ: Ông H giao các hóa đơn gốc có chữ ký của khách hàng cho T để T liên hệ khách hàng thu tiền, khi khách hàng thanh toán số tiền bao nhiêu thì T ghi vào mặt sau của hóa đơn và yêu cầu khách hàng ký xác nhận số tiền đã thanh toán, trường hợp khách hàng thanh toán đủ số tiền nợ trên hóa đơn thì T giao hóa đơn gốc cho khách hàng. Đồng thời, ông H quy định trong ngày T phải báo cáo kết quả thu được bao nhiêu tiền, của khách hàng nào và phải nộp lại cho ông H để theo dõi công nợ, việc T nộp tiền cho ông H thể hiện bằng việc T kê số tiền thu được của khách hàng vào cuốn tập học sinh và ông H ký xác nhận mỗi lần T nộp tiền.

Lợi dụng việc ông H tin tưởng giao cho T đi thu nợ của khách hàng, trong khoảng thời gian từ ngày 30/7/2018 đến ngày 01/4/2019, T đã thu nợ của 08 khách hàng chiếm đoạt tiền để chi xài cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Khách hàng Như Q, địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau do chị Lữ Thị T làm chủ. Công nợ tính đến ngày 16/7/2018 Cơ sở của chị Thiều còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền 2.777.000 đồng. Ngày 30/7/2018, T mang hóa đơn gốc đến cơ sở Như Q thu tiền, chị Thiều đã trả đủ tiền cho T, T giao hóa đơn gốc cho chị Thiều giữ. Tuy nhiên, T báo cáo với ông H chỉ thu được số tiền 800.000 đồng và nộp số tiền này cho ông H, còn lại 1.977.000 đồng T chiếm đoạt chi xài.

2. Khách hàng Xuân T, địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Cà Mau do ông Phan Thanh T làm chủ. Công nợ của ông Tứ tính đến ngày 07/6/2018 còn nợ Cơ sở Thuận P của ông H 04 hóa đơn bán hàng với tổng số tiền là 7.764.000 đồng. Ngày 24/8/2018, T mang 04 hóa đơn đến gặp trực tiếp ông Tứ thu công nợ, ông Tứ đã trả đủ số tiền 7.764.000 đồng cho T và yêu cầu T ký xác nhận vào sổ theo dõi của ông Tứ, T giao cho ông Tứ 03 hóa đơn bán hàng, T giữ lại 01 hóa đơn bán hàng số BH05438 ngày 15/01/2018, T ghi vào mặt sau của tờ hóa đơn giữ lại nội dung ông Tứ trả 764.000 đồng, còn 7.000.000 đồng và ký giả chữ ký của ông Tứ.

T về báo cáo với ông H là chỉ thu được của ông T số tiền 764.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng, T giao tờ hóa đơn và nộp cho ông H số tiền 764.000 đồng, còn lại số tiền 7.000.000 đồng T chiếm đoạt chi xài cá nhân hết.

3. Khách hàng Phú H, địa chỉ: Khóm A, thị trấn G, huyện H, tỉnh Cà Mau do chị Liêu Thi H làm chủ. Công nợ tính đến ngày 12/9/2018 còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền 6.997.000 đồng. Cùng ngày, T mang hóa đơn đến tiệm tạp hóa của chị Hui thu tiền và chị Hui đã trả đủ số tiền 6.997.000 đồng cho T, T giao hóa đơn gốc cho chị Hui giữ. Tuy nhiên, T báo cáo với ông H chỉ thu được 652.000 đồng và nộp số tiền này cho ông H, số tiền còn lại 6.345.000 đồng T chiếm đoạt chi xài hết.

4. Khách hàng Chú T, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện N, tỉnh Cà Mau do ông Trịnh Minh T làm chủ. Công nợ tính đến ngày 13/12/2018 ông Toàn còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền 2.207.000 đồng. Ngày 20/12/2018, T mang theo hóa đơn đến thu tiền ông Toàn, ông Toàn đã trả đủ số tiền nợ cho T và T đã giao hóa đơn cho ông Toàn. Tuy nhiên, T báo với ông H là chưa thu và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 2.207.000 đồng chi xài hết.

5. Khách hàng Thanh P, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện N, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Thanh P làm chủ. Công nợ tính đến ngày 07/12/2018 khách hàng Thanh P còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền 6.487.000 đồng. Ngày 22/12/2018, T sử dụng hóa đơn gốc để thu tiền khách hàng và anh Phong đã trả đủ số tiền này cho T nhưng T báo cáo với ông H là chưa thu được và chiếm đoạt số tiền 6.487.000 đồng chi cá nhân xài hết.

6. Khách hàng Thanh D, địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện N, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Thanh D làm chủ. Công nợ tính đến ngày 02/02/2019 ông Dân còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền 3.517.000 đồng. Ngày 09/02/2019, T đem hóa đơn gốc đến gặp ông Dân thu tiền, ông Dân đã trả đủ số tiền 3.517.000 đồng cho T. Tuy nhiên, T báo cáo với ông H là chưa thu được tiền và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 3.517.000 đồng chi xài cá nhân hết.

7. Khách hàng Tuyết N, địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do bà Nguyễn Thị Tuyết N làm chủ. Công nợ tính đến ngày 25/12/2018 còn nợ Cơ sở Thuận Phát số tiền 13.045.264 đồng. Ngày 21/02/2019, T sử dụng hóa đơn gốc đến thu tiền, tạp hóa Tuyết N đã thanh toán đủ số tiền 13.045.264 đồng cho T. Tuy nhiên, T về báo cáo với ông H chỉ thu được số tiền 7.700.000 đồng và nộp số tiền này cho ông H, còn lại số tiền 5.345.264 đồng T chiếm đoạt chi xài hết.

8. Khách hàng Huỳnh G, địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau do chị Chung Thị Huỳnh G làm chủ. Công nợ tính đến ngày 08/9/2018 Cơ sở Huỳnh G còn nợ Cơ sở Thuận P số tiền mua hàng 2.720.000 đồng. Ngày 01/4/2019, Cơ sở Huỳnh G đã thanh toán đủ số tiền này cho T. Tuy nhiên, T báo cáo với ông H là chỉ thu được số tiền 720.000 đồng và nộp số tiền này cho ông H, số tiền còn lại 2.000.000 đồng T chiếm đoạt chi xài cá nhân.

Như vậy, tổng số tiền T chiếm đoạt của ông H là 34.878.264 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 206/2020/HS-ST ngày 17/12/2020 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Châu Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Châu Văn T 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/12/2020 bị cáo Châu Văn T có đơn kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ và cung cấp một số tài liệu, chứng cứ giấy Tổ Quốc ghi công liệt sĩ Châu Văn T, Phan Văn L, Châu Văn B; giấy bà mẹ Việt Nam anh H của bà Huỳnh Thị T, giấy siêu âm và điện tâm đồ của bà Phạm Thị Nguyên (mẹ ruột).

Ngày 15/3/2021 bị cáo Châu Văn T nộp Đơn xin bãi nại của ông Đoàn Thanh H, ông H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Châu Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để nuôi con nhỏ và mẹ già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung, quyết định bản án sơ thẩm đã xét xử, cho thấy:

Lợi dụng việc ông H tin tưởng giao cho T đi thu nợ của khách hàng, trong khoảng thời gian từ ngày 30/7/2018 đến ngày 01/4/2019, T đã thu nợ của 08 khách hàng chiếm đoạt tiền để chi xài cá nhân. Tổng số tiền T chiếm đoạt của ông H là 34.878.264 đồng.

Trong những lần chiếm đoạt, có 04 lần chiếm đoạt tiền thu của các khách hàng Lữ Thị T, Trịnh Minh T, Nguyễn Thanh D, Chung Thị Huỳnh G, do mỗi lần chiếm đoạt đều dưới 4.000.000 đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Các lần chiếm đoạt tài sản thu từ các khách hàng Phan Xuân T, Liêu Thị H, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thị Tuyết N mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng số tiền chiếm đoạt là 25.177.264 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 206/2020/HS-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử bị cáo Châu Văn T về tội “Lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Châu Văn T xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt, hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, thấy rằng: Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của ông H chiếm đoạt số tiền 25.177.264 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại cấp sơ thẩm bị cáo không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh tình tiết giảm nhẹ gia đình công cách mạng nên cấp sơ thẩm không có căn cứ xem xét. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp các tài liệu, chứng cứ gia đình công cách mạng như: Giấy “Tổ Quốc ghi công” liệt sĩ Châu Văn T, Phan Văn L, Châu Văn B; giấy bà mẹ Việt Nam anh H của bà Huỳnh Thị T là ông nội, bà nội, bác ruột của bị cáo. Do cấp sơ thẩm chưa xem xét những tình tiết giảm nhẹ này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cho bị cáo được hưởng, để làm căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội nhiều lần, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật, do đó phải áp dụng hình phạt tù mới đủ tính răn đe, phòng ngừa chung. Vì vậy, đối với việc bị cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Châu Văn T;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 206/2020/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Châu Văn T 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí:

Bị cáo Châu Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND Tp.Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- VKS nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Bị Cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- CA tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Viện kiểm sát ND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Trịnh Xuân Miên